

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03/5/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà [Dương Thị Thanh H](#), Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06/11/2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2024;

- Nguyên đơn: Chị [Võ Thị H1](#), sinh năm 1998; Nơi ĐKNKTT: [Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#); có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh [Lê Thế H2](#), sinh năm 1999; Nơi ĐKNKTT: [Xóm I, thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#); hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị [Võ Thị H1](#) trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị [Võ Thị H1](#) và anh [Lê Thế H2](#) quá trình làm việc ở tỉnh Lâm Đồng đã quen biết, qua lại tìm hiểu nhau. Sau đó, vợ chồng về quê tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và chung sống với nhau nhưng chưa thực hiện đăng ký kết hôn. Được khoảng 05 tháng thì anh [H2](#) đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, còn chị [H1](#) ở nhà sinh con. Khi con chung được 01 tuổi chị [H1](#) gửi con ở nhà cho hai ông bà nội ngoại và cùng sang Đài Loan làm ăn với anh [H2](#). Đến ngày 20/4/2022, vợ chồng mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Văn phòng Kinh tế- Văn hóa Đài Bắc trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống, thời gian đầu khi

anh [H2](#) ở Đài Loan, chị [H1](#) đang ở nhà sinh con, giữa vợ chồng đã nhiều lần nảy sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Sau khi chị [H1](#) sang Đài Loan cùng chung sống với anh [H2](#) thì mâu thuẫn càng gay gắt do anh [H2](#) không gửi tiền chăm lo cuộc sống chung và con chung với chị [H1](#), hơn nữa anh [H2](#) cũng thường xuyên ghen tuông vô cớ, không tin tưởng nhau. Đến khoảng đầu tháng 2/2023, chị [H1](#) về Việt Nam sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện tại, chị [H1](#) xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, chị [H1](#) đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Lê Thế H2](#).

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là [Võ Khánh L](#), sinh ngày 01/8/2018 (thời điểm đó do chị [H1](#) và anh [H2](#) chưa đăng ký kết hôn nên con đăng ký khai sinh theo họ mẹ). Ban đầu, tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2023, chị [H1](#) đề nghị Tòa án giao con cho anh [H2](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đồng ý để ông bà nội cháu- bố mẹ đẻ anh [H2](#) thay anh [H2](#) trực tiếp nuôi dưỡng cháu trong thời gian anh [H2](#) không có mặt tại Việt Nam và chị [H1](#) sẽ chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Nhưng sau đó, tại đơn sửa đổi, bổ sung khởi kiện đề ngày 30/10/2023 và Biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2024, chị [H1](#) thay đổi, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị [H1](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu anh [H2](#) phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị [Võ Thị H1](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh [Lê Thế H2](#) do đang xuất khẩu lao động ở Đài Loan nên không có mặt để làm việc với Tòa án. Tại buổi làm việc ngày 22/03/2024, tại nhà bố mẹ đẻ anh [H2](#) với sự chứng kiến của đại diện Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và đại diện chính quyền địa phương, bà [Nguyễn Thị V](#)- mẹ đẻ anh [H2](#) đã có cuộc gọi bằng hình ảnh cho anh [H2](#) để nghe anh [H2](#) trình bày quan điểm của mình cho Tòa án lập Biên bản ghi chép lại, cụ thể: Về nội dung các yêu cầu khởi kiện của chị [H1](#) và các văn bản thông báo làm việc của Tòa án, thông qua các cuộc gọi với gia đình, anh [H2](#) đã nắm bắt được đầy đủ. Hiện tại, do đang làm việc ở nước ngoài nên anh [H2](#) không thể về tham gia giải quyết vụ việc tại Tòa án được. Anh [H2](#) thống nhất ủy quyền cho mẹ đẻ là bà [Nguyễn Thị V](#) trực tiếp giao nhận các văn bản, tài liệu của Tòa án và thông báo lại cho anh [H2](#) biết. Quan điểm của anh [H2](#) về vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Ý kiến anh [H2](#) cơ bản thống nhất với chị [H1](#) về thời gian kết hôn, chung sống, thời gian vợ chồng sống xa nhau; thời gian và lý do nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, đối với yêu cầu ly hôn của chị [H1](#), anh [H2](#) không đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung [Võ Khánh L](#), sinh ngày 01/8/2018 (thời điểm đó do chị [H1](#) và anh [H2](#) chưa đăng ký kết hôn nên con đăng ký khai sinh theo họ mẹ). Quan điểm của anh [H2](#), trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng (bố mẹ đẻ anh là ông [Lê Công H3](#) và [Nguyễn Thị V](#) sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con trong thời gian anh [H2](#) không có mặt tại Việt Nam) và yêu cầu chị [H1](#) cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ đến 2.000.000đ. Trường hợp Tòa án giao con chung cho chị [H1](#) trực tiếp

nuôi dưỡng, anh [H2](#) cũng thống nhất và sẽ chịu trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh [H2](#) thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị [Võ Thị H1](#) được ly hôn anh [Lê Thế H2](#)

+ Về con chung: Giao con chung [Võ Khánh L](#), sinh ngày 01/8/2018 cho chị [Võ Thị H1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh [H2](#) chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con; anh [Lê Thế H2](#) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại [Thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#). Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh [Lê Thế H2](#) đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan theo xác nhận tại Công văn số 31392/ QLXNC-P3 ngày 22/11/2023 của [Cục Q Bộ C](#), nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc nên chị [H1](#) và anh [H2](#) yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử. Anh [Lê Thế H2](#) ủy quyền cho mẹ đẻ là bà [Nguyễn Thị V](#); địa chỉ: [Thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) giao nhận văn bản, tài liệu của Tòa án. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị [Võ Thị H1](#) và anh [Lê Thế H2](#) theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ tình cảm:* Chị [Võ Thị H1](#) và anh [Lê Thế H2](#) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc và đã thực hiện việc đăng ký kết

hôn theo đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị [H1](#) và anh [H2](#) đều khẳng định: Cuộc sống chung vợ chồng anh chị hòa thuận được khoảng một thời gian, thì phát sinh nhiều tranh cãi do không có sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Anh [H2](#) mặc dù không nêu rõ lý do nhưng đối với yêu cầu ly hôn của chị [H1](#), anh không đồng ý. Xét thấy hôn nhân giữa chị [H1](#) và anh [H2](#) đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn chưa hòa giải được, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay không còn thiết lập được cuộc sống chung. Chị [H1](#) nhất quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét thấy việc duy trì hôn nhân giữa chị [H1](#) và anh [H2](#) là không có ý nghĩa, nên HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho chị [Võ Thị H1](#) và anh [Lê Thế H2](#) được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Xét thấy, nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con của chị [Võ Thị H1](#) là chính đáng; hơn nữa chị [H1](#) cũng đã về nước, cháu [Khánh L](#) là nữ cần thiết có sự gần gũi chăm sóc của người mẹ trong quá trình phát triển về tâm sinh lý nên việc giao con chung cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền và lợi ích của con. Mặt khác, anh [H2](#) mặc dù cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, nhưng anh [H2](#) hiện tại không có mặt ở Việt Nam, và bản thân anh [H2](#) cũng không phản đối việc giao con chung cho chị [H1](#) trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX xem xét giao con chung [Võ Khánh L](#), sinh ngày 01/8/2018 cho chị [Võ Thị H1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị [Võ Thị H1](#) yêu cầu anh [Lê Thế H2](#) cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ. Anh [Lê Thế H2](#) khẳng định sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ. Xét thấy hai bên đều thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ và mức cấp dưỡng này cũng là phù hợp với mức chi tiêu cho một trẻ em ở nông thôn hiện nay. Sau này, nếu nhu cầu mức sống của con chung có thay đổi, chị [H1](#) có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Do vậy, HĐXX xem xét buộc anh [H2](#) chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi

[2.3] *Về tài sản chung*: Xét ý chí cả hai đương sự đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị [Võ Thị H1](#) phải chịu án phí ly hôn sơ theo quy định của pháp luật và tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung thay anh [H2](#).

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 58, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị [Võ Thị H1](#) được ly hôn anh [Lê Thế H2](#).

2. *Về con chung*: Giao con chung [Võ Khánh L](#), sinh ngày 01/8/2018 cho chị [Võ Thị H1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Anh [Lê Thế H2](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi và được được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

4. *Về án phí*: Chị [Võ Thị H1](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng tính trừ cho chị [H1](#) trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000695, ngày 02/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị [H1](#) còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- VP kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu

